



CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

2

# Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



# Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 30

# Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập
Ông Lê Thành Nam	Thành viên độc lập
Ông Ngô Phú Thỏa	Thành viên độc lập
Ông Đào Mạnh Hòa	Thành viên độc lập

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng ban
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc Điều hành
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc Điều hành

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đào Mạnh Lương.

Ông Đỗ Văn Tài được ông Đào Mạnh Lương ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 01/UQ/CTHĐQT-MKV ngày 1 tháng 1 năm 2021.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Đỗ Văn Tài  
Giám đốc Điều hành

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Fax: +84 28 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61722613/22746318-LR

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") được lập ngày 13 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 10 tháng 8 năm 2020. Ngoài ra, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 22 tháng 3 năm 2021.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>57.313.720.970</b>	<b>43.048.843.558</b>
<b>110</b>	<i>I. Tiền</i>	<b>4</b>	<b>9.246.216.424</b>	<b>3.732.130.227</b>
111	1. Tiền		9.246.216.424	3.732.130.227
<b>120</b>	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>5</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>-</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.000.000.000	-
<b>130</b>	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		<b>20.974.554.897</b>	<b>18.395.456.903</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<b>6</b>	20.594.253.008	17.563.689.704
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		86.779.700	547.853.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	<b>7</b>	293.522.189	283.914.199
<b>140</b>	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>8</b>	<b>20.593.021.800</b>	<b>20.597.700.303</b>
141	1. Hàng tồn kho		20.593.021.800	20.597.700.303
<b>150</b>	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		<b>499.927.849</b>	<b>323.556.125</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	<b>11</b>	410.435.753	244.496.903
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		89.492.096	79.059.222
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>53.029.215.731</b>	<b>56.441.514.910</b>
<b>220</b>	<i>II. Tài sản cố định</i>		<b>51.960.416.473</b>	<b>56.179.444.239</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>9</b>	51.960.416.473	56.173.328.110
222	Nguyên giá		101.165.897.669	101.165.897.669
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(49.205.481.196)	(44.992.569.559)
227	2. Tài sản cố định vô hình	<b>10</b>	-	6.116.129
228	Nguyên giá		260.000.000	260.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(260.000.000)	(253.883.871)
<b>260</b>	<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>		<b>1.068.799.258</b>	<b>262.070.671</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>11</b>	1.068.799.258	262.070.671
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>110.342.936.701</b>	<b>99.490.358.468</b>

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

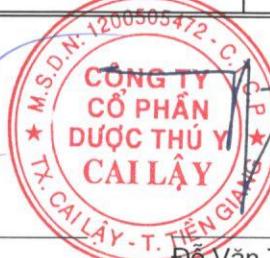
VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>46.619.108.074</b>	<b>39.302.746.050</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>29.919.108.074</b>	<b>34.971.271.547</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	5.911.036.057	9.024.256.065
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		12.866.798	9.286.387
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.100.597.548	470.047.385
314	4. Phải trả người lao động		1.174.015.454	1.068.183.159
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	12.355.231.737	10.430.291.191
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	36.818.550	4.806.920
320	7. Vay ngắn hạn	16	9.365.773.011	14.001.631.521
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(37.231.081)	(37.231.081)
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>16.700.000.000</b>	<b>4.331.474.503</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	1.500.000.000	1.500.000.000
338	2. Vay dài hạn	16	15.200.000.000	2.831.474.503
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>63.723.828.627</b>	<b>60.187.612.418</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>63.723.828.627</b>	<b>60.187.612.418</b>
411	1. Vốn cổ phần		50.000.380.000	50.000.380.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.380.000	50.000.380.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(380.000)	(380.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		69.863.124	69.863.124
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.653.965.503	10.117.749.294
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		10.117.749.294	3.064.884.156
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.536.216.209	7.052.865.138
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>110.342.936.701</b>	<b>99.490.358.468</b>



Nguyễn Hồng Thê  
Người lập

Võ Thị Lệ Trinh  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài  
Giám đốc Điều hành

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	71.620.621.062	56.902.183.080
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(6.105.961.575)	(5.426.621.661)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	65.514.659.487	51.475.561.419
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(49.913.857.340)	(37.505.053.833)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.600.802.147	13.970.507.586
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	5.644.836	31.978.115
22	7. Chi phí tài chính	20	(1.509.315.866)	(2.167.322.169)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(226.837.134)	(1.211.776.079)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(6.343.178.035)	(5.189.469.432)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(3.327.206.904)	(4.329.712.049)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.426.746.178	2.315.982.051
31	11. Thu nhập khác		-	215.400.000
32	12. Chi phí khác		(5.180.732)	-
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(5.180.732)	215.400.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.421.565.446	2.531.382.051
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(885.349.237)	(506.276.410)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.536.216.209	2.025.105.641
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	707	405
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25	707	405

Nguyễn Hồng Thể  
Người lập

Võ Thị Lệ Trinh  
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Tài  
Giám đốc Điều hành



Ngày 13 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỄN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>			<b>4.421.565.446</b>	<b>2.531.382.051</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khâu hao vào hao mòn	9,10	4.219.027.766	4.237.216.784
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.390.586)	(900.715)
06	Chi phí lãi vay	20	226.837.134	1.211.776.079
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>8.862.039.760</b>	<b>7.979.474.199</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(2.589.530.868)	9.260.743.025
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		4.678.503	(3.874.613.655)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(920.349.809)	1.671.549.729
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(972.667.437)	163.312.976
14	Tiền lãi vay đã trả		(235.402.515)	(1.230.349.665)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(372.739.010)	(735.250.912)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>3.776.028.624</b>	<b>13.234.865.697</b>
<b>II. LƯU CHUYỄN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
23	Tiền gửi có kỳ hạn		(6.000.000.000)	-
27	Thu lãi tiền gửi		5.390.586	900.715
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(5.994.609.414)</b>	<b>900.715</b>
<b>III. LƯU CHUYỄN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	Tiền thu từ đi vay	16	19.317.698.508	36.633.350.987
34	Tiền trả nợ gốc vay	16	(11.585.031.521)	(47.153.043.747)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>7.732.666.987</b>	<b>(10.519.692.760)</b>

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		5.514.086.197	2.716.073.652
60	Tiền đầu kỳ		3.732.130.227	1.793.512.722
70	Tiền cuối kỳ	4	9.246.216.424	4.509.586.374

Nguyễn Hồng Thể  
Người lập

Võ Thị Lệ Trinh  
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Tài  
Giám đốc Điều hành



Ngày 13 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 107 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 105 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi cân trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Thu nhập từ tiền thuê cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

#### 3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.13 Thuế

##### Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

#### 3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

#### 3.15 Thông tin bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

# Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 4. TIỀN

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	156.904.642	12.165.817	
Tiền gửi ngân hàng	9.089.311.782	3.719.964.410	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.246.216.424</b>	<b>3.732.130.227</b>	

## 5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, có kỳ hạn gốc năm (5) tháng và hưởng lãi suất 3,2%/năm. Công ty đã thế chấp toàn bộ khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn nhằm đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 16.1*).

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu từ bên khác			
- Công ty Cổ phần Thú y Châu Giang (trước đây là Công ty Cổ phần Thú y Mavin)	20.553.553.008	17.507.210.204	
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thái Bình An	9.905.554.691	8.607.379.725	
- Cửa hàng Thuốc Thú y số 2	1.906.710.629	-	
- Đại lý Phân phối thuốc Thú y Thủy sản Thị Nhung	861.423.770	295.610.837	
- Bà Võ Hồng Cúc	715.795.249	630.205.997	
- Bà Nguyễn Thị Trúc Mai	429.098.250	633.211.856	
- Khác	350.955.337	533.760.425	
Phải thu từ bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 24</i> )	6.384.015.082	6.807.041.364	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.700.000</b>	<b>56.479.500</b>	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>20.594.253.008</b>	<b>17.563.689.704</b>	

## 7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tạm ứng nhân viên	293.522.189	283.914.199	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 8. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	13.581.352.054	-	14.833.685.442	-	
Thành phẩm	6.841.204.532	-	5.582.396.044	-	
Hàng hoá	170.465.214	-	181.618.817	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.593.021.800</b>	<b>-</b>	<b>20.597.700.303</b>	<b>-</b>	

# Công ty Cổ phần Được Thú ý Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIỀN ĐQ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng, kết thúc cùng ngày

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND	VND
	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải
<b>Nguyên giá:</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>36.887.812.125</u>	<u>59.655.417.093</u>
Trong đó: <i>Đã khấu hao hết</i>	<u>1.153.979.911</u>	<u>2.042.142.510</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 Khấu hao trong kỳ	<u>(8.779.334.112)</u> <u>(804.488.302)</u>	<u>(32.626.121.434)</u> <u>(3.074.709.957)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>(9.583.822.414)</u>	<u>(35.700.831.391)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>28.108.478.013</u> <u>27.303.989.711</u>	<u>27.029.295.659</u> <u>23.954.585.702</u>
Trong đó <i>Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyet minh số 16.2)</i>	<u>23.753.965.692</u>	<u>21.296.940.651</u>
		<u>177.986.052</u>
		<u>177.986.052</u>
		<u>45.228.892.395</u>

# Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND Phần mềm máy tính
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>260.000.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hao mòn trong kỳ	<u>(253.883.871)</u> <u>(6.116.129)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>(260.000.000)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>6.116.129</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>-</u>

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	410.435.753	244.496.903
Chi phí bảo hiểm	219.885.397	76.516.378
Khác	51.230.300	57.410.547
	139.320.056	110.569.978
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa	1.068.799.258	262.070.671
Công cụ, dụng cụ	648.957.886	-
Khác	384.862.205	14.670.596
	34.979.167	247.400.075
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.479.235.011</b>	<b>506.567.574</b>

## 12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả cho bên khác		
- Công ty TNHH Ruby	5.864.267.357	8.926.107.807
- Công ty Cổ phần Thành Nhơn	2.100.450.000	467.320.000
- Công ty TNHH Hóa chất Navy	665.084.942	1.604.089.367
- Công ty TNHH Lva Việt Nam	508.250.086	1.647.093.254
- Công ty TNHH Dược phẩm Ami	144.707.992	1.341.870.009
- Khác	-	1.225.000.140
	2.445.774.337	2.640.735.037
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	46.768.700	98.148.258
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.911.036.057</b>	<b>9.024.256.065</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	372.739.010	885.349.237	(372.739.010)	885.349.237
Thuế giá trị gia tăng	49.644.593	999.369.836	(844.816.072)	204.198.357
Thuế thu nhập cá nhân	<u>47.663.782</u>	<u>151.321.810</u>	<u>(187.935.638)</u>	<u>11.049.954</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>470.047.385</b>	<b>2.036.040.883</b>	<b>(1.405.490.720)</b>	<b>1.100.597.548</b>

### 14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chiết khấu phải trả	10.203.285.865	7.135.786.815
Lương tháng 13	690.000.000	1.089.500.000
Chi phí phần mềm ERP	504.000.000	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	90.000.000	180.000.000
Chi phí tư vấn quản lý	-	1.200.000.000
Khác	867.945.872	825.004.376
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.355.231.737</b>	<b>10.430.291.191</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả cho các bên khác	11.851.231.737	9.230.291.191
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	504.000.000	1.200.000.000

### 15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>36.818.550</b>	<b>4.806.920</b>
Kinh phí công đoàn	36.818.550	4.806.920
<b>Dài hạn</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
Cỗ tức phải trả (*)	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.536.818.550</b>	<b>1.504.806.920</b>

(\*) Số dư trình bày cỗ tức phải trả theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông năm 2016 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 2/BB-HĐQT/MKV ngày 3 tháng 4 năm 2017. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 6/2021/NQHĐQT-MKV ngày 28 tháng 7 năm 2021, Hội đồng Quản trị đã gia hạn thời hạn chi trả cỗ tức này trong vòng 3 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Dược Thủ y Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIỀN ĐQ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng, kết thúc cùng ngày

**16. VAY**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Phân loại/lai	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Nhập</b>					
<b>Ngắn hạn</b>					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	<b>14.001.631.521</b>	<b>5.317.698.508</b>	<b>(11.585.031.521)</b>	<b>1.631.474.503</b>	<b>9.365.773.011</b>
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16.2)	11.133.106.024 2.868.525.497	5.317.698.508 -	(11.133.106.024) (451.925.497)	- 1.631.474.503	5.317.698.508 4.048.074.503
<b>Dài hạn</b>					
Vay cá nhân (Thuyết minh số 16.3)	<b>2.831.474.503</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(1.631.474.503)</b>	<b>15.200.000.000</b>
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 16.4)	-	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.2)	1.200.000.000 1.631.474.503	- -	- (1.631.474.503)	- -	1.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.833.106.024</b>	<b>19.317.698.508</b>	<b>(11.585.031.521)</b>	<b>-</b>	<b>24.565.773.011</b>

# Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIỀM ĐQ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng, kết thúc cùng ngày

## 16. VAY (tiếp theo)

### 16.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	<u>5.317.698.508</u>	Từ ngày 17 tháng 11 năm 2021 đến ngày 29 tháng 11 năm 2021	5%	Hợp đồng tiền gửi có ký hạn với giá trị 6.000.000.000 VNĐ của Công ty.

### 16.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Công ty sử dụng các khoản vay này để bổ sung nhu cầu về vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	<u>4.048.074.503</u>	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2021 đến ngày 26 tháng 6 năm 2022	9,8%	Dự án nhà máy sản xuất thuốc thú y Beta lactam tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả  
Vay dài hạn

## Công ty Cổ phần Được Thú ý Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIỀN ĐQ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng, kết thúc cùng ngày

### 16. VAY (tiếp theo)

#### 16.3 Vay dài hạn từ cá nhân

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp dài hạn từ cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ông Nguyễn Văn Tuyến	<u>14.000.000.000</u>	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	0%	Tín chấp
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả				
Vay dài hạn	<u>14.000.000.000</u>			

#### 16.4 Vay dài hạn bên liên quan

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	<u>1.200.000.000</u>	Ngày 29 tháng 12 năm 2022	0%	Tín chấp
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả				
Vay dài hạn	<u>1.200.000.000</u>			

# Công ty Cổ phần Được Thú ý Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIỀN ĐQ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng, kết thúc cùng ngày

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 17.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

				VND	
	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	3.064.884.156	53.134.747.280
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.025.105.641	2.025.105.641
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>50.000.380.000</u>	<u>(380.000)</u>	<u>69.863.124</u>	<u>5.089.989.797</u>	<u>55.159.852.921</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	10.117.749.294	60.187.612.418
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.536.216.209	3.536.216.209
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>50.000.380.000</u>	<u>(380.000)</u>	<u>69.863.124</u>	<u>13.653.965.503</u>	<u>63.723.828.627</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 17.2 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ phiếu được phép phát hành	5.000.038	5.000.038
Cổ phiếu đã phát hành	5.000.038	5.000.038
Cổ phiếu phổ thông	5.000.038	5.000.038
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	38	38
Cổ phiếu phổ thông	38	38
Cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

## 18. DOANH THU

### 18.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>71.620.621.062</b>	<b>56.902.183.080</b>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	71.391.206.742	56.902.183.080
Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển	229.414.320	-
<b>Giảm trừ</b>	<b>(6.105.961.575)</b>	<b>(5.426.621.661)</b>
Chiết khấu thương mại	(5.988.065.904)	(5.369.517.531)
Hàng bán bị trả lại	(117.895.671)	(57.104.130)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>65.514.659.487</b>	<b>51.475.561.419</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	65.285.245.167	51.475.561.419
Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển	229.414.320	-
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	65.311.945.167	51.302.661.419
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 24)	202.714.320	172.900.000

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. DOANH THU** (tiếp theo)

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.390.586	900.715
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	254.250	31.077.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.644.836</b>	<b>31.978.115</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	49.712.550.631	37.505.053.833
Giá vốn cho thuê xe và vận chuyển	201.306.709	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.913.857.340</b>	<b>37.505.053.833</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chiết khấu thanh toán	1.282.478.732	955.546.090
Chi phí lãi vay	226.837.134	1.211.776.079
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.509.315.866</b>	<b>2.167.322.169</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	VND
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.982.176.978	1.886.025.965
Chi phí nhân viên	2.613.489.243	2.558.638.651
Chi phí đồ dùng văn phòng	414.119.549	411.091.440
Chi phí khấu hao	197.988.914	333.713.376
Khác	135.403.351	-
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>3.327.206.904</b>	<b>4.329.712.049</b>
Chi phí nhân viên	1.729.466.189	1.162.541.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.233.385.009	2.514.934.223
Chi phí công cụ, dụng cụ	93.003.642	-
Chi phí khấu hao	69.946.688	17.250.000
Chi phí khác	201.405.376	634.986.236
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.670.384.939</b>	<b>9.519.181.481</b>

## 22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	VND
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	34.907.581.055	20.756.377.832
Chi phí nhân viên	8.508.511.704	6.664.234.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.504.335.018	4.237.216.784
Chi phí khấu hao ( <i>Thuyết minh số 9, 10</i> )	4.219.027.766	4.961.687.221
Chi phí khác	1.053.529.534	1.246.680.968
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.192.985.077</b>	<b>37.866.196.824</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 23.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>885.349.237</u>	<u>506.276.410</u>
Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:		
	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Tổng lợi nhuận Kế toán trước thuế</b>	<b><u>4.421.565.446</u></b>	<b><u>2.531.382.051</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	884.313.089	506.276.410
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.036.148	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>885.349.237</u></b>	<b><u>506.276.410</u></b>

#### 23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Mavin Austfeed	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu Vay	650.000.000 -	975.000.000 4.800.000.000
Công ty TNHH Austfeed Bình Định	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	109.053.790	-
Công ty Cổ phần Mavin Duckfarm	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	82.714.320	-
Công ty TNHH Liên doanh Mavin Austfeed	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	60.000.000 14.021.600	60.000.000 -
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mavin	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Doanh thu bán hàng	60.000.000 -	102.000.000 10.900.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	504.000.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6	Ngày 31 tháng 12
			năm 2021	năm 2020
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mavin	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa và dịch vụ	22.000.000	22.000.000
Công ty TNHH Liên doanh Mavin Austfeed	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa và dịch vụ	11.000.000	10.279.500
Công ty Cổ phần Mavin DuckFarm	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa và dịch vụ	7.700.000	24.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>40.700.000</b>	<b>56.479.500</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Austfeed Bình Định	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	46.768.700	98.148.258
<b>Chi phí trích trước ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Marvin	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	<u>504.000.000</u>	<u>1.200.000.000</u>
<b>Vay dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Marvin	Công ty mẹ	Vay	<u>1.200.000.000</u>	<u>1.200.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

##### Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Giám đốc và Ban kiểm soát ("BKS") bao gồm lương, thù lao và các chi phí liên quan như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Đào Mạnh Hòa	Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Ông Lê Thành Nam	Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Ông Ngô Phú Thỏa	Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên BKS	6.000.000	6.000.000
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên BKS	6.000.000	6.000.000
Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc Điều hành	392.081.043	358.371.581
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc Điều hành	186.311.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>668.392.043</b>	<b>448.371.581</b>

#### 25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

		VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		3.536.216.209	2.025.105.641
<b>Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi trên cổ phiếu</b>		5.000.000	5.000.000
Lãi trên cổ phiếu			
- Lãi cơ bản		707	405
- Lãi suy giảm		707	405

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

### *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trong vòng 1 năm	165.276.371	165.276.371	
Từ 2 năm đến 5 năm	826.381.855	826.381.855	
Trên 5 năm	<u>2.621.172.500</u>	<u>2.703.810.685</u>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.612.830.726</u></b>	<b><u>3.695.468.911</u></b>	

### *Cam kết cho thuê hoạt động*

Công ty hiện đang cho thuê xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản tiền thuê tối thiểu hàng năm trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động là 324.000.000 VND.

## 27. CÁC TRÌNH BÀY KHÁC CẦN THIẾT VỚI CÔNG TY

### *Đại dịch Covid-19*

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

## 28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾ THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Nguyễn Hồng Thể  
Người lập

Võ Thị Lệ Trinh  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài  
Giám đốc Điều hành

Ngày 13 tháng 8 năm 2021